

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-PT.
Ngày: 12-7-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán: 1. Ông Bùi Đức Thuận
2. Ông Lương Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Thu Thủy
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2019/QĐXX-PT ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957; Có mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 01, tổ A, phường P, thành phố T;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; Có mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 01, tổ A, phường P, thành phố T;

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn tháng 02 năm 1988, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T trên cơ sở tự nguyện (do sơ xuất ông đã để thất lạc Giấy chứng nhận kết hôn). Nguyên nhân ông xin ly hôn bà L là do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 1989 và kéo dài đến nay. Nguyên nhân chính là do bà L thường xuyên ghen vô cớ dẫn đến có lời nói, cư xử làm mất danh dự của ông. Mặt khác, do bất

đồng quan điểm sống nên vợ chồng luôn xảy ra bất hòa. Năm 1989- 1990 bà L đã mang con về nhà bố mẹ để ở gần 02 năm, sau đó vì thương con nên ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó mâu thuẫn vẫn tiếp tục phát sinh và ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn sự quan tâm đến nhau và đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2014 đến nay, ảnh hưởng xấu đến mọi mặt trong cuộc sống gia đình. Ông xác định việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc, do đó ông yêu cầu được ly hôn bà L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Nguyễn Thị Hải L1, sinh ngày 02/01/1989, đã có việc làm ổn định, ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn trình bày: Bà và ông H có đăng ký kết hôn ngày 27/02/ 1988 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như ông H đã khai nêu trên. Tuy nhiên, bà xác định nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do ông H có quan hệ ngoại tình. Năm 1989 (trước khi sinh con) bản thân bà được tận mắt chứng kiến ông H và người phụ nữ khác có quan hệ ngoại tình nhưng bà vẫn luôn nhẫn nhịn để vợ chồng đoàn tụ. Song từ năm 2002 ông H lại có biểu hiện thường xuyên về nhà vào đêm khuya, bà hỏi lý do thì ông H đánh đập tàn nhẫn. Nay bà vẫn còn tình cảm với ông H, do đó bà mong muốn ông H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, bà không đồng ý ly hôn ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Hải L1, sinh năm 1989, đã trưởng thành. Bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Nếu phải ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Với nội dung trên, tại bản án số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147 ; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H, cho ông H được ly hôn bà Nguyễn Thị L;

2.Về con chung: Đã trưởng thành;

3.Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết (do đương sự không yêu cầu).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/01/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Ông Nguyễn Văn H không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, UBND phường T xác định không còn sổ đăng ký kết hôn như vậy, không có căn cứ chứng minh bà và ông H có đăng ký kết hôn hay không. Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn sai. Tòa án nhân dân thành phố T giao thông báo thụ lý cho bà chậm là vi phạm Điều 196 và Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, bà L không đồng ý ly hôn nhưng tòa án hòa giải lần đầu không kiên trì hòa giải tiếp, trường hợp bị đơn không đồng ý tòa án không tạo điều kiện thời gian hòa giải tiếp, việc xét xử xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là không đúng, thực tế giữa hai vợ chồng bà vẫn tình cảm. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T vì đã áp dụng sai pháp luật.

Tại phiên tòa bà L bổ sung kháng cáo: Ông H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên đã đưa ra lý do để xin ly hôn với bà (bà L cung cấp bản photo tin nhắn và 01 đĩa ghi âm theo bà L xác định đó là tin nhắn và cuộc nói chuyện giữa ông H với người phụ nữ khác). Bà L xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H chưa đến mức trầm trọng như án sơ thẩm xác định, thực tế vợ chồng bà vẫn ở cùng nhà, ăn cơm cùng và còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho vợ chồng bà về đoàn tụ.

Ông H cũng xác định hiện nay ông và bà L vẫn cùng ở một nhà, ăn cơm cùng nhau vì gia đình chỉ có 03 người, nhưng không còn tình cảm vợ chồng với bà L, ông giữ nguyên đơn xin ly hôn với bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L và tại phiên tòa sơ thẩm. Ông H và bà L đều thừa nhận: Năm 1988 ông H và bà L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố

T (bà L khai tại bản tự khai ngày 05/11/2019 xác định đăng ký kết hôn ngày 27/02/1988 tại giấy đăng ký kết hôn số 27/UB, nơi đăng ký tại UBND phường T, thành phố T) trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung như đã nêu trên. Ông H không cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn và có đơn đề nghị xác nhận. Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố Thái Nguyên xác nhận không còn lưu giữ sổ theo dõi đăng ký kết hôn thời điểm năm 1988. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà L đều thừa nhận ông H và bà L có đăng ký kết hôn từ năm 1988 và còn cung cấp cả ngày và sổ đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T nhưng bà L không cung cấp để Tòa án xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L khai, bà không nhớ giữa bà và ông H có đăng ký kết hôn hay không, bà không giữ đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng trong quá trình chung sống do bà L hay nghi ngờ ông H có quan hệ ngoại tình với người khác, từ đó vợ chồng thường hay có những va chạm, xô xát, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn. Ông H làm đơn xin ly hôn bà L, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn với bà L.

Xét kháng cáo của bị đơn bà L, thấy rằng: Vợ chồng ông H, bà L đã có thời gian chung sống nhiều năm, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chỉ vì có nghi ngờ ông H có quan hệ với người phụ nữ khác, thực tế hiện nay ông H và bà L vẫn chung sống trong cùng một gia đình, sinh hoạt chung và ăn cơm cùng nhau (theo bà L vẫn còn quan hệ tình cảm vợ chồng). Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà L có nguyện vọng tha thiết cho vợ chồng về đoàn tụ, vợ chồng cùng nhau khắc phục những khó khăn và sửa chữa những khuyết điểm để ổn định cuộc sống, cũng như tránh những xáo trộn tinh thần của cả gia đình, cùng nhau xây dựng cuộc sống hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà L chưa đến mức trầm trọng, nguyện vọng của bà L mong muốn vợ chồng về đoàn tụ là chính đáng, đồng thời để hai bên có cơ hội tự nhìn nhận về bản thân mình, khắc phục những mâu thuẫn, khó khăn để ổn định cuộc sống chung. Nên chấp nhận kháng cáo của bà L về việc xin đoàn tụ với ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 144, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Đã trưởng thành;

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết (do đương sự không yêu cầu).

4. Về án phí: Ông H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang theo Biên lai thu số 0006871 ngày 27/9/2018). Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp chuyển từ tạm ứng án phí sang (theo biên lai thu số 0007388 ngày 07/3/2019) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP T ;
- THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương